

MEP

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6195/BC-UBND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO

Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương 06 tháng đầu năm và các giải pháp thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương 06 tháng cuối năm 2018

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ, Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 10/01/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018.

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Đồng Nai về giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 4439/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo đánh giá ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương 06 tháng đầu năm và các giải pháp thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương 06 tháng cuối năm 2018 như sau:

Phần A

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN VÀ CHI NSDP 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Năm 2018 là năm bản lề, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, nền kinh tế nước ta nói chung và kinh tế tỉnh Đồng Nai nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, chịu ảnh hưởng do diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và khu vực; các cân đối vĩ mô duy trì ổn định nhưng chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế yếu và tốc độ tăng trưởng một số ngành thấp hơn kỳ vọng.

Trong năm 2018 nhiều thách thức mới phát sinh tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh như biến động giá cả thị trường, sức mua giảm, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, đặc biệt là các sản phẩm kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp tục gặp khó khăn. Tình hình thị trường bất động sản đang có dấu hiệu phục hồi nhưng chưa vững chắc, điều đó đã ảnh hưởng khá nhiều đến công tác quản lý và thực hiện dự toán ngân sách của tỉnh. Tuy nhiên công tác an sinh xã hội vẫn được tỉnh quan tâm thực hiện, công tác quốc phòng an ninh tiếp tục được giữ vững đã tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Ngay từ đầu năm thực hiện chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước năm 2018, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Cục Hải quan phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương và các sở, ngành liên quan tăng cường phối hợp trong việc tổ chức thực hiện thu ngân sách với mục tiêu đảm bảo cân đối ngân sách của Tỉnh. Theo đó, kết quả thu ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm 2018 như sau:

I. Ước thu ngân sách nhà nước: (Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm):

Ước thu ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm 23.519 tỷ đồng, đạt 44% dự toán năm và tăng 12% cùng kỳ. Cụ thể:

1. Thu nội địa: 15.149 tỷ đồng, đạt 40% dự toán và tăng 09% cùng kỳ (Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết thì thu nội địa là 12.874 tỷ đồng, đạt 36% dự toán và tăng 08% cùng kỳ). Kết quả các khoản thu nội địa đạt khá so với dự toán năm như: thu tiền thuê mặt đất, mặt nước (66%), thu tiền sử dụng đất (92%); ... Riêng các khoản thu có tỷ trọng lớn như thu từ lĩnh vực doanh nghiệp nhà nước trung ương, địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt thấp (dưới 50% dự toán).

Khoản thu từ lĩnh vực hoạt động xổ số kiến thiết ước thu: 888 tỷ đồng, đạt 61% so với dự toán, bằng 97% so với cùng kỳ. Nguyên nhân đạt cao so với dự toán là do Công ty TNHH một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ Tổng hợp Đồng Nai chuyển nộp lợi nhuận kinh doanh sau thuế thu nhập sau khi đã trích đủ các quỹ theo quy định là: 336 tỷ đồng.

Về khối huyện ước thu nội địa 06 tháng đầu năm 2018 là 3.251 tỷ đồng, đạt 50% dự toán. Trong đó, một số huyện có số ước thu đạt khá so dự toán: Định Quán (63%); Long Khánh (63%); Long Thành (60%),... (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

2. Thu lĩnh vực xuất, nhập khẩu: Ước thu 8.370 tỷ đồng, đạt 54% dự toán, tăng 18% cùng kỳ.

3. Nguyên nhân tăng giảm thu ngân sách so với dự toán.

3.1. Nguyên nhân các khoản thu đạt khá so với dự toán:

- Tập trung triển khai hoàn thành các công tác theo chỉ đạo của Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế: tổ chức kiểm tra chọn mẫu tình hình lập bộ hồ kinh doanh trên địa bàn đối chiếu với số liệu của Tổng cục thống kê, tổ chức kiểm tra chéo các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, ăn uống NQD...

- Tăng cường khảo sát điều tra doanh thu, khai thác hộ phát sinh gồm: hộ thầu XDCB nhà dân; khai thác đất, đá, vận tải, cho thuê phòng trọ, dịch vụ....

- Tiếp tục tham gia nâng cao chất lượng cải cách hành chính tại bộ phận “một cửa”, “một cửa liên thông hiện đại” của huyện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế.

- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật đối với cán bộ công chức ngành thuế, tăng cường cải cách hành chính ứng dụng CNTT để hỗ trợ hiệu quả cho việc thực hiện các quy trình quản lý thuế theo luật quản lý thuế.

Ngành thuế đã tăng cường thực hiện truy thu và phạt qua công tác thanh tra, kiểm tra truy thu: 140 tỷ đồng, Phạt: 40 tỷ đồng. Số tiền thu hồi hoàn thuế: 41 triệu đồng, số tiền loại trừ chi phí giảm lỗ: 987 tỷ đồng; Riêng công tác thanh tra giá chuyển nhượng truy thu 16,8 tỷ, phạt 8,3 tỷ, giảm lỗ 911 tỷ. Số đã nộp NSNN 21,5 tỷ đồng; Về công tác thu hồi nợ thuế đôn đốc thu nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế được 235 tỷ đồng. Trong đó: bằng biện pháp quản lý nợ là 199 tỷ đồng bằng biện pháp cưỡng chế nợ thuế là 36 tỷ đồng. Nợ thuế còn tồn có khả năng thu ước 1.386 tỷ đồng.

Các mặt hàng của ngành hải quan như: Mặt hàng hóa chất, chất dẻo nguyên liệu, mặt hàng xơ, sợi dệt, mặt hàng sản phẩm hóa chất, tivi, sữa và sản phẩm sữa, nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày,...nộp tăng so với cùng kỳ, tăng 930 tỷ đồng.

3.2. Nguyên nhân thu đạt thấp so với dự toán:

- Do những tháng đầu năm công tác thanh tra, kiểm tra, thu nợ chưa triển khai theo kế hoạch năm, chủ yếu là giải quyết những tồn đọng của năm trước chuyển sang.

- Các DN hồi tố ưu đãi (giai đoạn 2009-2013) vẫn còn số nộp thừa 2017 chuyển qua.

- Trong năm một số DN rà soát thu sát số phát sinh nên số thu Quý 4/2017 chuyển qua 2018 còn ít; Đặc biệt có trường hợp không còn phát sinh số phải nộp.

- Các doanh nghiệp viễn thông tái cơ cấu chưa phát sinh thuế GTGT nộp do còn khấu trừ của các DN hệ thống cơ sở hạ tầng.

- Một số DN trong diện giải tỏa, di dời ra ngoài KCN I đã chuyển địa điểm sang tỉnh khác: Công ty Đường Biên Hòa, Công ty sữa VN, Công ty Bao bì Biên Hòa...

- Các công ty thức ăn chăn nuôi đầu tư mở rộng ở ngoài tỉnh dẫn đến giảm số thuế TNDN phải nộp của trụ sở chính (Cty Cổ phần chăn nuôi CP, Cargill, Công ty Dinh dưỡng Á Châu...)

- Các DN sản xuất thức ăn gia súc, chế biến nông lâm thủy hải sản tiếp tục gặp khó khăn do giá tiêu thụ giảm, sản lượng bán hàng giảm.

- Doanh thu và sản lượng tiêu thụ của một số DN đạt thấp làm giảm số thuế nộp so với cùng kỳ và so với kế hoạch: Tổng Công ty CNTP, Công ty Suzuki, Công ty Aqua, Ajinomoto, Công ty Điện lực dầu khí 2, CN TCT Điện lực dầu khí VN (đại tu tổ máy)...

- Một số các mặt hàng như: mặt hàng xăng nhập khẩu giảm do chuyển sang sử dụng xăng sinh học được sản xuất từ nguồn trong nước; Linh kiện phụ tùng ô tô, sắt thép, hàng điện gia dụng, hàng hóa nhập khẩu từ các nước có thỏa thuận đối xử tối huệ quốc (WTO) được hưởng thuế suất ưu đãi MFN (sản phẩm hóa chất 14% xuống 0%, chất dẻo nguyên liệu 5% xuống 0%, giấy các loại 10% xuống 0%, hàng điện gia dụng và linh kiện 30% xuống 0%,...); Các Hiệp định

thương mại tự do FTAs hầu hết (trên 90%) các dòng hàng theo Hiệp định ATIGA sẽ có thuế suất thuế NK giảm xuống 0% (Chất dẻo nguyên liệu 5% xuống 0%, giấy các loại 5% xuống 0%, hàng điện gia dụng và linh kiện 5% xuống 0% nộp giảm so với cùng kỳ do đó đã tác động và làm ảnh hưởng đến số thu ngân sách.

II. Ước chi ngân sách địa phương: (Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)

Ước chi ngân sách địa phương 06 tháng (không bao gồm chi bổ sung từ ngân sách trung ương, chi nguồn cải cách tiền lương, chi trả lãi vay...) 8.293 tỷ đồng, đạt 45% dự toán và tăng 18% cùng kỳ. Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển (không bao gồm chi bổ sung từ ngân sách trung ương, quỹ nhà, quỹ đất và bội chi) 2.875 tỷ đồng đạt 45% dự toán, tăng 40% cùng kỳ.

Tuy nhiên về tiến độ giải ngân vẫn còn một số nội dung còn chậm là do:

- Chương trình hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao 26.192 triệu đồng: hiện nay vẫn chưa có hướng dẫn chi tiết về nội dung phân bổ nguồn vốn nêu trên, cụ thể phân bổ theo danh mục dự án đã được quyết định đầu tư trước 31/10 của năm trước năm kế hoạch hay hỗ trợ theo danh sách được phê duyệt đối với các hộ được hỗ trợ, thời gian phân bổ vốn để triển khai thực hiện v.v.. nên chưa có cơ sở thông báo đến đơn vị chủ đầu tư để triển khai thực hiện.

- Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành 4.500 tỷ vẫn chưa thực hiện giải ngân. Nguyên nhân là do Bộ kế hoạch và Đầu tư chưa giao kế hoạch thực hiện cho tỉnh.

- Đối với các dự án khởi công mới, một số chủ đầu tư thực hiện việc lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình còn chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Một số chủ đầu tư chưa quyết liệt trong việc yêu cầu các nhà thầu thi công đảm bảo đúng tiến độ thi công; chưa đôn đốc lập khối lượng thi công để đẩy nhanh việc giải ngân vốn đầu tư; một số dự án khởi công mới chậm thực hiện tạm ứng, giải ngân vốn đầu tư. Một số dự án đã được bố trí kế hoạch để hoàn trả các khoản tạm ứng trong các năm trước nhưng các đơn vị chủ đầu tư chậm thực hiện làm thủ tục hoàn tạm ứng.

- Theo quy định tại Luật Đấu thầu (Điều 16 khoản 2) và Thông tư số 03 (Điều 35 khoản 7) các cá nhân tham gia trực tiếp vào lĩnh vực đấu thầu phải có chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu. Tuy nhiên việc tổ chức thi tuyển để cấp chứng chỉ do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì và thực hiện theo từng đợt, do đó chưa thể đáp ứng được nhu cầu của các cá nhân do đó cũng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Trước đây dự án được bố trí vốn khởi công mới đã thực hiện xong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và phải có quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Đầu tư công: dự án được bố trí vốn thực hiện dự án khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư trước 31/10 của năm trước năm kế hoạch.

Khi được giao chỉ tiêu kế hoạch thực hiện dự án, chủ đầu tư phải thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tổ chức lựa chọn nhà thầu lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình; thực hiện việc thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình để trình cấp quyết định đầu tư phê duyệt làm cơ sở trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình. Các công việc nêu trên mất rất nhiều thời gian và trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà thầu có khiếu kiện trong đấu thầu nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch.

2. Chi thường xuyên 5.418 tỷ đồng đạt 45% dự toán, tăng 08% cùng kỳ.

Chi thường xuyên 06 tháng đầu năm cơ bản đáp ứng kịp thời, đầy đủ kinh phí cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị, đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, thực hiện tốt việc tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng kinh phí ngân sách, chi ngân sách đúng tiêu chuẩn, định mức và đảm bảo trong dự toán được HĐND tỉnh giao. Tuy nhiên vẫn còn một số sự nghiệp chi đạt thấp so với dự toán giao, nguyên nhân là do đầu năm địa phương phải thực hiện tiết kiệm 10% để tạo nguồn cải cách tiền lương, dự phòng các sự nghiệp để đảm bảo nhu cầu chi khi có chính sách mới phát sinh, thay đổi chính sách như tăng lương từ 1.300.000 đồng lên 1.390.000 đồng áp dụng từ ngày 01/07/2018;....

3. Công tác điều hành ngân sách:

- UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành Tài chính theo dõi, đánh giá sâu sát tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2018. Trên cơ sở kết quả số thu vào ngân sách, đã chủ động điều hành chi và đảm bảo cân đối ngân sách.

- Điều hành quản lý chi ngân sách bám sát dự toán HĐND tỉnh giao, hạn chế tối đa xử lý kinh phí phát sinh bổ sung ngoài dự toán, ưu tiên ngân sách thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên ở các lĩnh vực đảm bảo xã hội, quốc phòng an ninh, giáo dục đào tạo. Việc bổ sung chi thường xuyên là những nhiệm vụ thật sự cấp bách và đảm bảo được nguồn cân đối.

- Các cấp ngân sách điều hành dự toán trong phạm vi nguồn thu được hưởng theo phân cấp và dự toán chi được giao.

Phần B

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 06 THÁNG CUỐI NĂM 2018

Qua đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách 06 tháng đầu năm 2018 và dự báo tình hình kinh tế xã hội 06 tháng cuối năm vẫn còn nhiều yếu tố rủi ro, thách thức. Do đó, nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước còn lại của 06 tháng cuối năm 2018 là rất nặng nề để có thể đảm bảo cho nhu cầu chi ngân sách địa phương. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh sẽ tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp nỗ lực phấn đấu đạt chỉ tiêu dự toán HĐND tỉnh giao. Cụ thể:

I. Nhiệm vụ thu - chi ngân sách: (Chi tiết tại phụ lục I và phụ lục II đính kèm)

1. Thu NSNN 06 tháng cuối năm: 30.330 tỷ đồng. Trong đó:

- Thu nội địa: 23.200 tỷ đồng.

Trong đó: thu từ lĩnh vực xố số kiến thiết: 566 tỷ đồng.

- Thu lĩnh vực xuất nhập khẩu: 7.130 tỷ đồng.

2. Nhiệm vụ chi NSDP 06 tháng cuối năm (không bao gồm chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương): 13.003 tỷ đồng. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 4.371 tỷ đồng.

- Chi thường xuyên: 6.748 tỷ đồng.

II. Các giải pháp:

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ thu - chi ngân sách 06 tháng cuối năm 2018, UBND tỉnh sẽ tiếp tục quan tâm sâu sát, lãnh đạo, chỉ đạo ngành tài chính phối hợp với các ngành, địa phương thực hiện tốt các Nghị quyết của Chính phủ, trong đó tập trung một số giải pháp sau:

1. Đối với thu ngân sách nhà nước:

a) Về thu nội địa:

- Đẩy mạnh các biện pháp chống thất thu và các khoản nợ đọng thuế; thực hiện thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác theo quy định của pháp luật: Phân bổ giao chỉ tiêu nhiệm vụ thu phần đầu cụ thể cho từng bộ phận, đội thuế, cán bộ để thực hiện; Rà soát, kiểm tra truy thu đối với những doanh nghiệp có phát sinh chi phí liên kết về chuyên giao công nghệ, sử dụng nhãn hiệu, bản quyền, dịch vụ tư vấn, trả lãi vay... đã trả cho công ty mẹ những năm gần đây; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp thuộc diện miễn, giảm thuế do ưu đãi đầu tư; các doanh nghiệp thua lỗ nhiều năm có dấu hiệu chuyển giá; các doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng vốn, tài sản trên địa bàn...

- Tích cực khai thác nguồn thu từ quỹ đất, từ hoạt động kinh doanh, khai thác tài nguyên khoáng sản, dịch vụ du lịch, từ các cơ sở sản xuất kinh doanh có quy mô lớn mới đi vào hoạt động trong năm 2018. Quản lý tốt các nguồn thu từ các hoạt động mua, bán, chuyển quyền, chuyển mục đích sử dụng và cấp quyền sử dụng đất...

- Điều chỉnh lại số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm, đặc biệt là các DN có số nộp thấp hơn so với cùng kỳ, xác định tỷ lệ thuế TNDN phải nộp bình quân chung của từng ngành, thực hiện thu sát số phát sinh tránh trường hợp Doanh nghiệp lợi dụng kê khai tạm nộp dồn cho năm hiện tại vào quý 4 của năm hiện tại và để chênh lệch sau quyết toán thuế lớn hơn so với quy định (20% số phát sinh phải nộp trong năm).

- Thu NSNN đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, vì vậy công tác thuế cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị,

sự kết hợp nhiều nhiệm vụ và giải pháp để công tác thu ngân sách đạt hiệu quả cao.

b) Về thu hoạt động xuất nhập khẩu:

- Tăng cường rà soát, nắm chắc nguồn thu; nghiên cứu, đề xuất và triển khai các giải pháp tăng thu, chống thất thu NSNN; chủ động đánh giá tác động của các cam kết hội nhập quốc tế đến thu NSNN.

- Thực hiện các Đề án, Chương trình cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan và thu nộp thuế.

- Các Chi cục lập danh sách các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý và làm thủ tục hải quan nơi khác, có kế hoạch tiếp xúc làm việc, mời gọi doanh nghiệp về làm thủ tục tại đơn vị.

- Tăng cường thực hiện công tác kiểm tra trị giá, phân loại (kiểm tra sau thông quan tờ khai hải quan trong thời hạn 60 ngày).

- Công tác thu hồi nợ thuế: theo dõi chặt chẽ tình hình nợ thuế của các doanh nghiệp; tập trung xử lý, thu hồi nợ thuế; thực hiện các biện pháp đốc thu, tập trung các giải pháp thu hồi nợ có khả năng thu hồi, không để phát sinh các khoản nợ xấu, nợ khó thu.

- Công tác kiểm tra sau thông quan: xây dựng kế hoạch kiểm tra đúng đối tượng trọng điểm, hàng hóa trọng điểm (doanh nghiệp có số thu cao, kim ngạch lớn,...); hoàn thành số cuộc kiểm tra sau thông quan theo đúng kế hoạch được phê duyệt năm 2018, trong đó tập trung vào kiểm tra mã số hàng hóa, hàng tồn kho và các chuyên đề do Tổng cục Hải quan phân công.

- Tăng cường công tác kiểm soát chống buôn lậu và gian lận thương mại, công tác quản lý rủi ro, công tác thanh tra, kiểm tra góp phần tăng thu NSNN.

2. Đối với chi ngân sách địa phương:

- Giao Sở Kế hoạch đầu tư: chỉ đạo các chủ đầu tư tập trung thực hiện và làm hồ sơ giải ngân kịp thời, thực hiện tốt công tác thanh, quyết toán công trình.

- Tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra đôn đốc thực hiện kế hoạch năm. Tăng cường thanh tra, kiểm tra trong công tác đấu thầu, công tác giám định chất lượng công trình, công tác giám sát đầu tư cộng đồng để góp phần chống thất thoát lãng phí trong đầu tư từ ngân sách.

- Phối hợp với Cục Quản lý đấu thầu – Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động tại tỉnh Đồng Nai.

- Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế tỉnh cùng các đơn vị liên quan trên địa phương xuyên theo dõi kiểm tra thực hiện dự toán, giao ban định kỳ ngành tài chính để xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách. Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo Cục thuế và chính quyền địa phương tích cực khai thác các

nguồn thu để đảm bảo nhiệm vụ chi của địa phương, hạn chế hỗ trợ, bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Kho bạc nhà nước và các đơn vị liên quan tập trung theo dõi, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ chi; Theo dõi, phân tích, dự báo tình hình thu NSNN để chủ động điều hành chi, đảm bảo cân đối ngân sách. Trường hợp thu ngân sách không đạt dự toán, UBND tỉnh sẽ thực hiện ưu tiên chi trả kịp thời các khoản tiền lương, phụ cấp của cán bộ công chức viên chức, chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội, không để xảy ra tình trạng nợ lương và các khoản chính sách an sinh xã hội ở các cấp ngân sách, ưu tiên chi đầu tư xây dựng cơ bản các công trình quan trọng.

- Tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi, lồng ghép các chính sách. Tổ chức triển khai mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung theo quy định.

- Phân bổ giảm kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên đối với các cơ quan đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên theo quy định.

- Thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1,30 triệu đồng/tháng lên 1,39 triệu đồng/tháng, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công tăng bằng mức lương cơ sở theo quy định từ ngày 1/7/2018.

- Quản lý chặt chẽ nguồn dự phòng ngân sách đã bố trí dự toán ở các cấp ngân sách, tập trung điều hành sử dụng nguồn dự phòng ngân sách đã bố trí trong dự toán của từng cấp để xử lý các nhiệm vụ cấp bách phát sinh như: Phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh,...

- Kiểm tra, giám sát, thanh tra các khoản chi ngân sách trong phạm vi quản lý, đảm bảo vốn ngân sách được sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả.

Trên đây là báo cáo ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương 06 tháng đầu năm và các giải pháp thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương 06 tháng cuối năm 2018, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh Đồng Nai khóa IX - kỳ họp thứ 6./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Chánh, Phó văn phòng;
- Lưu VT, TH, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)
Nguyễn Quốc Hùng

BÁO CÁO

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018
VÀ NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018**

(Kèm theo báo cáo số 6195/BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung các khoản thu	DỰ TOÁN NĂM 2018	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Nhiệm vụ còn lại 6 tháng cuối năm	Lũy kế	So sánh			
						UTH 6T/DT	UTH 6T/CK	LK/DT	LK/CK
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	53.849.000	23.519.348	30.329.652	53.849.000	44%	112%	100%	110%
	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN (I + II):	53.849.000	23.519.348	30.329.652	53.849.000	44%	112%	100%	110%
I	Thu nội địa	38.349.000	15.149.348	23.199.652	38.349.000	40%	109%	100%	114%
	<i>(Thu nội địa đã trừ tiền sử dụng đất, thu số kiến thiết)</i>	<i>35.395.000</i>	<i>12.874.348</i>	<i>22.520.652</i>	<i>35.395.000</i>	<i>36%</i>	<i>108%</i>	<i>100%</i>	<i>120%</i>
1	Thu từ các DNNN Trung Ương	3.060.000	1.076.445	1.983.555	3.060.000	35%	111%	100%	126%
-	Thuế giá trị gia tăng	1.879.500	576.430	1.302.449	1.878.879	31%	101%	100%	145%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	500	265	856	1.121	53%	93%	224%	177%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	880.000	352.427	527.573	880.000	40%	128%	100%	110%
-	Thuế tài nguyên	300.000	147.323	152.677	300.000	49%	120%	100%	89%
2	Thu từ các DNNN Địa phương	3.186.000	584.622	2.601.378	3.186.000	18%	47%	100%	109%
-	Thuế giá trị gia tăng	1.225.000	249.638	975.362	1.225.000	20%	66%	100%	155%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	1.051.000	22	1.050.978	1.051.000	0%	0%	100%	68%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	810.000	318.477	491.523	810.000	39%	135%	100%	151%
-	Thuế tài nguyên	100.000	16.485	83.515	100.000	16%	45%	100%	197%
3	Thu từ DN có vốn ĐTNN	15.536.000	4.818.180	10.717.820	15.536.000	31%	112%	100%	134%
-	Thuế giá trị gia tăng	4.840.000	1.466.643	3.373.357	4.840.000	30%	105%	100%	163%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	230.000	80.521	149.479	230.000	35%	87%	100%	107%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.459.000	3.268.145	7.190.855	10.459.000	31%	116%	100%	125%
-	Thuế tài nguyên	7.000	2.871	4.129	7.000	41%	94%	100%	119%
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	4.885.000	2.133.918	2.751.082	4.885.000	44%	118%	100%	127%
-	Thuế giá trị gia tăng	3.280.000	1.432.833	1.847.167	3.280.000	44%	118%	100%	127%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	30.000	12.011	17.989	30.000	40%	101%	100%	122%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.500.000	643.099	856.901	1.500.000	43%	117%	100%	129%
-	Thuế tài nguyên	75.000	45.975	29.025	75.000	61%	139%	100%	100%
5	Thuế thu nhập cá nhân	5.190.000	2.543.382	2.646.618	5.190.000	49%	114%	100%	123%
6	Lệ phí trước bạ	1.100.000	543.472	556.528	1.100.000	49%	142%	100%	121%
7	Thuế bảo vệ môi trường	360.000	138.549	221.451	360.000	38%	108%	100%	118%
8	Thu phí, lệ phí	430.000	208.995	221.005	430.000	49%	83%	100%	111%
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	55.000	43.399	11.601	55.000	79%	133%	100%	89%
10	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	564.000	370.558	193.442	564.000	66%	153%	100%	27%
11	Thu tiền sử dụng đất	1.500.000	1.386.926	113.074	1.500.000	92%	137%	100%	63%
12	Thu tại xã	16.000	9.206	6.794	16.000	58%	98%	100%	77%
13	Thu khác ngân sách (không bao gồm thu tại xã)	770.000	286.900	481.865	768.765	37%	113%	100%	114%

STT	Nội dung các khoản thu	DỰ TOÁN NĂM 2018	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Nhiệm vụ còn lại 6 tháng cuối năm	Lũy kế	So sánh			
						UTH 6T/DT	UTH 6T/CK	LK/DT	LK/CK
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
14	Thu KHCB, tiền bán nhà thuộc SHNN	3.000	32	3.000	3.032	1%	0%	101%	6%
15	Thu từ thu nhập sau thuế	100.000	1.838	98.162	100.000	2%	85%	100%	211%
16	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	140.000	114.852	26.351	141.203	82%	202%	101%	147%
17	Thu xổ số kiến thiết	1.454.000	888.074	565.926	1.454.000	61%	97%	100%	89%
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	15.500.000	8.370.000	7.130.000	15.500.000	54%	118%	100%	102%

BÁO CÁO

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018
VÀ NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018

Kèm theo báo cáo số 6195/BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Đồng Nai



STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	NĂM 2018	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Nhiệm vụ còn lại 6 tháng cuối năm	Lũy kế	So sánh			
						UTH 6T/DT	UTH 6T/CK	LK/DT	LK/CK
A	B	1			2			3	4
	TỔNG CỘNG (A+B)	26.003.608	8.293.080	17.710.528	26.003.608	32%	118%	100%	136%
	TỔNG CHI (KHÔNG BAO GỒM CHI BSCMT NSTW, CHI CCTL, CHI DỰ PHÒNG,...)	18.513.903	8.293.080	11.119.023	19.412.103	45%	118%	105%	101%
I	Chi đầu tư phát triển:	11.825.252	2.875.080	8.950.172	11.825.252	24%	140%	100%	143%
	<i>Chi đầu tư không bao gồm chi có mục tiêu từ NSTW, bội chi, quỹ nhà quỹ đất</i>	<i>6.347.860</i>	<i>2.875.080</i>	<i>4.370.980</i>	<i>7.246.060</i>	<i>45%</i>	<i>140%</i>	<i>114%</i>	<i>88%</i>
II	Chi thường xuyên. Trong đó	12.166.043	5.418.000	6.748.043	12.166.043	45%	108%	100%	112%
1	Chi An ninh - Quốc phòng địa phương	618.580	300.000	318.580	618.580	48%	129%	100%	106%
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	4.813.279	2.260.000	2.553.279	4.813.279	47%	115%	100%	113%
3	Chi sự nghiệp y tế	1.112.996	425.000	687.996	1.112.996	38%	114%	100%	166%
4	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	110.403	41.000	69.403	110.403	37%	100%	100%	138%
5	Chi sự nghiệp văn hóa	149.323	65.000	84.323	149.323	44%	115%	100%	108%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	119.595	60.000	59.595	119.595	50%	164%	100%	128%
7	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	25.836	12.000	13.836	25.836	46%	143%	100%	98%
8	Chi đảm bảo xã hội	851.872	420.000	431.872	851.872	49%	67%	100%	74%
9	Chi sự nghiệp kinh tế	1.700.447	520.000	1.180.447	1.700.447	31%	119%	100%	139%
10	Sự nghiệp quản lý môi trường	649.174	245.000	404.174	649.174	38%	100%	100%	143%
11	Chi quản lý hành chính	1.727.064	890.000	837.064	1.727.064	52%	106%	100%	95%
12	Chi khác ngân sách	287.474	180.000	107.474	287.474	63%	128%	100%	71%
III	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	1.342.420		1.342.420	1.342.420	0%		100%	
IV	Dự phòng ngân sách	419.960		419.960	419.960	0%		100%	
V	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910		2.910	2.910	0%		100%	
VI	Chi trả nợ lãi vay đầu tư CSHT.	119.000		119.000	119.000	0%		100%	
B	Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	128.023		128.023	128.023	0%		100%	
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ								
2	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách và một số chương trình mục tiêu	128.023		128.023	128.023	0%		100%	



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ƯỚC THỰC HIỆN THU KHỎI HUYỆN 6 THÁNG NĂM 2018

theo báo cáo số 6195/BC-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

DVT: triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN	UHT 6 THÁNG	UTH 6T/DT
1	Thành phố Biên Hòa			
	Thu nội địa	2.895.400	1.317.407	46%
	Không bao gồm tiền sử dụng đất	2.348.400	1.056.780	45%
2	Huyện Vĩnh Cửu			
	Thu nội địa	388.400	195.559	50%
	Không bao gồm tiền sử dụng đất	328.400	159.123	48%
3	Huyện Trảng Bom			
	Thu nội địa	1.043.100	537.197	52%
	Không bao gồm tiền sử dụng đất	702.100	363.087	52%
4	Huyện Thống Nhất			
	Thu nội địa	177.950	76.000	43%
	Không bao gồm tiền sử dụng đất	112.950	56.475	50%
5	Huyện Định Quán			
	Thu nội địa	147.800	93.114	63%
	Không bao gồm tiền sử dụng đất	137.800	79.920	58%
6	Huyện Tân Phú			
	Thu nội địa	78.900	35.567	45%
	Không bao gồm tiền sử dụng đất	74.500	31.977	43%
7	Thị xã Long Khánh			
	Thu nội địa	207.500	130.236	63%
	Không bao gồm tiền sử dụng đất	167.500	90.737	54%
8	Huyện Xuân Lộc			
	Thu nội địa	223.500	114.520	51%
	Không bao gồm tiền sử dụng đất	202.900	100.282	49%
9	Huyện Cẩm Mỹ			
	Thu nội địa	104.050	60.349	58%
	Không bao gồm tiền sử dụng đất	98.050	53.928	55%
10	Huyện Long Thành			
	Thu nội địa	603.600	362.160	60%
	Không bao gồm tiền sử dụng đất	488.600	244.300	50%
11	Huyện Nhơn Trạch			
	Thu nội địa	672.700	329.623	49%
	Không bao gồm tiền sử dụng đất	381.700	213.752	56%
	Tổng cộng			
	Thu nội địa	6.542.900	3.251.732	50%
	Không bao gồm tiền sử dụng đất	5.042.900	2.450.361	49%